

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2022/QĐST – HNGĐ

Bình Sơn, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 133/2022/TLST – HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Huỳnh Thanh L, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Thôn X, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Số 130 B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh L, chị T qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau một thời gian thì quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 25/5/2009. Quá trình chung sống Anh L, chị T phát sinh mâu thuẫn với lý do cả hai bất đồng quan điểm trong cách sống, không có cùng tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng không thể giải quyết được. Từ tháng 6/2019, vợ chồng sống ly thân, chị T dẫn con vào thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân, cả hai không thể hàn gắn được và cho đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn nên anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Anh Huỳnh Thanh L và Chị Phạm Thị T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] *Về con chung*: Anh Huỳnh Thanh L và Chị Phạm Thị T xác định có một con chung là Huỳnh Phạm Thanh T, sinh ngày 01/01/2010. Anh Huỳnh Thanh L và Chị Phạm Thị T thỏa thuận giao con Huỳnh Phạm Thanh T cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của anh, chị là với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh, chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T nuôi cháu Huỳnh Phạm Thanh T, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu Tuyền đủ 18 tuổi.

[3] *Về tài sản chung*: Anh L, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về nghĩa vụ tài sản*: Anh L, chị T xác định không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Thanh L và Chị Phạm Thị T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Phạm Thanh T cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T nuôi cháu Huỳnh Phạm Thanh T, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Huỳnh Th Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. *Về tài sản chung:* Anh L, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ tài sản: Anh L, chị T xác định không có nghĩa vụ tài sản với người thứ ba.

1.5. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Phan Thị H và anh Phạm Quang V có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh V, chị H đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000410, ngày 22/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

2. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã Bình Hòa (ĐKKH ngày 25/5/2009);
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Quang Toại

